

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5

(Phần Thượng)

“Pháp Hoa luận nói...”: dẫn luận để giải thích:

Luận có ba văn: Văn thứ nhất: Căn cứ Tam thừa, ý muốn Nhị thừa cùng Bồ-tát thừa đồng đắc đồng có. Trong đó có hai phần: Trước, là dẫn luận. Tiếp, “Luận nói...”: là giải thích ý luận. Nói “thứ lớp”: là để khiến giải thích theo thứ lớp không trái. Căn cứ luận văn ý, thì “câu thứ nhất”: lấy “Vô thượng” làm “Khai”. Luận văn lại nói “Phật tri kiến”: Như Lai năng chứng như thật Tri (biết) nghĩa kia. Kinh văn đã nói: “vì khiến cho chúng sinh”. Nếu chỉ Phật chứng biết thì tại sao nói: “Vì khiến cho chúng sinh”? Cho nên chẳng phải nay giải thích, nghĩa không thể thông. “Câu thứ hai”: “Thị” đồng có “Vô thượng”. Đầu luận văn chỉ nói Nhị thừa cùng Phật Pháp-thân đồng đẳng, cho nên trong đây giải thích nói “tam thừa”, không riêng Bồ-tát cho nên đem Bồ-tát hợp Nhị thừa giải thích, tức là tam thừa Pháp thân đồng Phật. “Câu thứ ba”: khiến cho biết vô thượng tức là “Ngộ”. “Câu thứ tư”: chứng Vô thượng nên gọi là “bất thoái”, chứng chỉ là đắc, tức nhập Sơ trụ. Ý luận dùng ba câu trước cùng khiến đắc nhập địa vị Sơ trụ. Đầu tiên “Khai”: Chỉ cho thấy sở tri kiến là Vô thượng. Tiếp: “Thị” (chỉ) cảnh đây đồng có. Tiếp, khiến “Ngộ” đồng có. Tiếp, khiến “Nhập” cảnh đây cho nên nói Bất thoái. Đã trước căn cứ Nhị thừa cùng Bồ-tát đồng chứng, cho nên biết ý kinh trước tại Nhị thừa, nên luận văn không phân chọn định tánh, hướng chỉ luận nói chưa thuần thực tức sẽ thuần thực, sẽ không phải không có, cho nên không được nói không có.

Văn thứ hai: Căn cứ Bồ-tát: Nghiệm biết Bồ-tát cùng Nhị thừa phải hội, nếu không cần hội vì sao biệt lập một giải thích đồng Nhị thừa? Trong giải thích câu đầu, luận không có biệt giải thích. Nay nói “như trước” là cùng Người nhị thừa đồng đắc. Độn đồng nhị thừa, bởi có nguyên do, cho nên biết trước lúc ấy chẳng phải vô thượng. Trong giải thích “Thị”, nói “Bồ-tát có nghi thì khiến biết như thật”, cho nên biết

trước lúc ấy hiệp nghi chẳng thật. Nghi thông hội biệt, lý không nên như vậy. Nếu không được hội, thì lẽ nào “biết được như thật”? Huống chi biết như thật thì vẫn phải tu hành. Trong giải thích “Ngộ”, nói “Người chưa phát tâm thì khiến phát Bồ-đề tâm”, nếu không phát tâm thì không gọi là Bồ-tát. Cho nên, biết rằng: trước lúc ấy thì được gọi là Bồ-tát mà chưa phát Viên tâm. Trong giải thích “Nhập”, nói “Người đã phát tâm thì khiến nhập pháp” cho nên “người chưa phát tâm”: là chỉ Tạng, Thông. Nói “đã phát”: phần nhiều chỉ Biệt giáo. Trong Biệt giáo Tri tuy tương tự “đã phát” mà không nhập chứng đạo, cho nên cần phải “khiến nhập” Phật tri kiến. Nói chánh duyệt xem quyền. Phải biết tam giáo Bồ-tát có nghi chưa phát, chưa nhập chân thường. Do đó luận văn hiện khiến Bồ-tát khai thị ngộ nhập, mà khổ cho ông không chịu trái với luận văn.

Văn thứ ba: Căn cứ phàm phu để giải thích. Trong luận cũng không giải thích câu “Khai”, nay cũng chỉ đồng văn thứ nhất, cho nên biết phàm phu cùng tam thừa đồng. Câu thứ hai tuy giải thích kia nói hoàn toàn đồng nhị thừa trong câu đầu và câu thứ hai. Đến câu thứ ba mới khác hai giải thích trước, cho nên biết phàm phu cùng tam thừa đồng có Pháp thân Phật tánh. Hai câu dưới nói “phàm phu cùng tam thừa biệt”, do ngoại đạo chấp thường, tất cả chúng sinh chưa biết Bồ-đề. Đã là phàm phu riêng một phen giải thích, cho nên biết không đắc (được) địa vị sâu xa để giải thích kia. Cho nên giải thích-câu “Ngộ” nói khiến giác ngộ, câu “Nhập” khiến nhập Bồ-đề. Nên biết phàm phu bất giác bất tri có vô thượng pháp cũng chưa từng phát Bồ-đề tâm mà đều nói cùng tam thừa đồng. Cho nên biết ba phen nhân (người) khác nghĩa đồng, vì vậy nêu câu đầu đều có thể nghĩa đồng.

Tiếp, trong câu thứ hai giải thích Bồ-tát, nói “khiến biết như thật”. “Như thật” chỉ là tên khác của Pháp thân, đây cũng là tên khác nghĩa đồng. Câu thứ ba: đối Nhị thừa không biết, cho nên nói “khiến biết”, đối Bồ-tát đã từng phát tâm thì khiến lại phát tâm, đối phàm phu thì khiến khác ngoại đạo, cũng khiến ngoại đạo ngộ. Đây thì nghĩa khác ý đồng. Trong câu thứ tư: đối Nhị thừa thoái đại thì nói “Bất thoái”, đối Bồ-tát đã phát mà chưa nhập thì nói “nhập pháp”; đối phàm phu chưa từng phát thì trực tiếp nói “Đại đạo”. Nên biết chỉ là một Tri kiến Phật vì muốn đây... nhân khác khai đồng, cho nên biết nêu tam thừa và dụng phàm phu, thấu tóm căn cơ hết sạch. Bao trùm nói chúng sinh gồm thấu lục giới tam thừa đối thật tức Thập pháp giới giải thích. Nếu căn cứ chỗ hướng đến thì chỉ một Phật giới, tức căn cứ Phật giới giải thích. Ba

phen nghĩa biến khắp tức căn cứ vị giải thích. Phật giới đối chín giới lại thành ly hợp, huống chi luận giải thích bốn câu cùng nay bốn giải thích vị v.v... nghĩa đồng. “Luận mỗi một câu giải thích”: Luận trong ba giải thích mỗi một câu biệt giải thích. Nay giải thích đầu lại tách làm bốn, tức thành ba phen đều có bốn giải thích, chỉ nêu Nhị thừa để so sánh các thứ còn lại, cũng là nêu khó so sánh dễ, vì Nhị thừa khó.

Nay giải thích đầu: Trước thuộc đối luận văn. Đầu tiên dùng chứng Bất thoái chia làm bốn vị để giải thích, tức luận câu thứ tư. Đã nói bất thoái, tức khai thị ngộ nhập đều là niệm bất thoái. Tiếp nêu Phật sở chứng đắc làm bốn trí để giải thích, tức câu thứ nhất luận nói: “Trừ Nhất thiết trí ra thì không còn có sự nào khác nữa”. Tiếp, do nghĩa đồng tức câu thứ hai luận nói: “Nhị thừa Pháp thân bình đẳng hoàn toàn không sai biệt”. Nếu không quán tâm thì làm sao biết đồng? Tiếp, do “không biết xứ cứu cánh”, tức câu thứ ba. “Xứ” là sở thông, nhị thừa không biết, nay vì khiến biết. Biết là môn, môn là năng thông, cho nên làm bốn môn giải thích. Nhị thừa đã vậy, Bồ-tát, phàm phu theo lệ đều như thế, vậy thì ba loại đều cần Viên giáo, giáo môn lấy làm năng thông. Nhập quán tu trí mới có thể đến vị, tri kiến Phật cảnh. Nếu làm các giải thích khác, nói: “Vì làm tốt...”, thì chỉ uổng thiết lập và tri kiến Phật tại đâu? Cho nên một nhà giải thích nghĩa y kinh, thuận luận, khế hạnh, đắc lý, ý Phật xuất thế lẽ nào không như vậy ư? Nay giải thích ý Phật lẽ nào có thể trái ư? Nếu mở sâu vị Địa thì phàm phu chẳng mong đợi, nếu trừ hai chương mới nêu rõ “khai” thì “thị...” ba chữ còn lại đều tại Phật địa. Đây giáo còn chẳng phân Địa tiền thì làm gì có lợi ích phàm phu Tiểu thừa ư!

Trong câu “Nay làm bốn môn giải thích vân vân”, thì “vân vân” là: Cần phải dựa theo nêu ngang dọc để giải thích ý, do trình bày ngang dọc dùng luận văn, cho nên trong luận ba giải thích mỗi mỗi theo dọc giải thích. Nay trong mỗi mỗi giải thích câu câu ngang dọc, khiến luận bốn câu cũng thành ngang dọc. Tuy có ngang dọc mà ý tại bất nhị. Tiếp, “Nay giải thích...”: là văn nay chính giải thích. Trước, lược đối xưa nay. Tiếp, “Nếu vô lượng...”: nêu dụng ý nay. Dẫn văn giải thích thành dùng luận phế lập. Ý đầu: Xưa nay, tương đối, tức rộng trong lược. Đầu nói rộng: Nói ít ý bao hàm. Đã hiển thật rồi, thì phải biết các pháp thủy đều là thật, như nay Thập diệu chính gọi là ở giữa (Trung đạo), chỉ trong danh kia mà nghĩa thì rộng; hiểu rõ văn hiển thật giống như khó dụng, cho nên lại thuận xưa, giữ lại Tứ nhất tức là rất lược. Tiếp, dùng ý nay: Rộng thì tâm trần hạnh pháp nhân lý đều Nhất thật, nơi giải thích môn

thái quá trở thành thông lạm dụng, chỉ có thể quan sát chiếu, cho nên nói “có thể biết”. “Nếu làm...”: là thuật Thập diệu nay tuy không hiểu rõ câu mà đối nghĩa chẳng phải không có, cho nên trước dẫn kinh đối mườì khiến thấy.

Hỏi: Vì sao kinh văn không nương Thập diệu khước từ tạp loạn?

Đáp: Sáu thứ Lý, Trí v.v... kinh đã có thứ lớp, chỉ bốn văn sau tuy tương tự mà trước sau nghĩa đều sâu tốt cùng. Vì sao? Vì nếu cảm ứng thì có quyến thuộc, quyến thuộc nhận lấy ngộ thông để phát khởi. Thấy thông, thâm hoạch lợi ích bởi do thuyết pháp. Y Huyền Văn thứ lớp tự là một đường, sáu thứ không thể siêu vượt kinh văn rõ ràng.

Đầu tiên nói “phi tư lượng v.v...”: đối “Lý nhất” là Sở tư vậy. “Duy có chư Phật”: đối “Trí nhất”, là năng tri vậy. “Chỉ vì một đại sự...”: Văn nghĩa đã đầy đủ ba, lý cần phải phân biệt, văn tuy đủ ba mà ý lời tại một đại gia sự. “Sự” tức nhân quả, cho nên nói nghĩa tiện, chính là Hạnh nhất. Lại trí năng chiếu cảnh mới đạt cảnh đại, cho nên “Đại gọi là trí, lấy sự làm hạnh”. Có hai ý kia: tự hành và hóa tha đều gọi là “sự”, nay hóa tha cho nên là đại sự Phật xuất thế. Nên biết: đầu tiên là phân biệt giải thích, dùng phân chữ ở trước để giải thích ý, tiếp là theo nghĩa tiện, dùng tổng giải thích ở trước. Ở trước tuy có hai giải thích, mà tổng giải thích thì dễ thấy, cho nên nay dùng.

Tiếp “Tri kiến...”: ý chọn kinh văn từ “Muốn khiến” trở xuống, làm Vị nhất. Trong văn chỉ nói tri kiến. Vì trong mỗi câu kinh văn đều nói “Tri kiến”, tức năng tri kiến đã thuộc Trí Hạnh, Sở kiến đế lý đã thuộc Lý nhất. Tuy không phân biệt Tri kiến sâu cạn mà lại dùng Khai v.v..., đối vị đều sai biệt, cho nên thuộc Vị nhất. Tiếp, “Lại chọn kết văn” đối ba pháp Nhất. Lại dùng văn trước xem ý mà nói cho nên nói “Lại” (hựu). “Lại chọn các câu” trở xuống: là nói “xuất hiện”, là “Cảm ứng nhất”. Bốn câu đều đồng, tùy nghĩa cho nên biệt, đều là cảm ứng. Bốn cái Nhất còn lại thì có thể biết. “Kinh văn...”: là ý phế lập, tuy hiểu rõ văn không dùng nghĩa mà lý chẳng phải không, cho nên trong ba còn lại mà dùng lược. Từ “Nếu lược...” trở xuống, là muốn dùng xưa lược, lại luận bỏ chọn phân biệt lược nghĩa, còn số. Trong đó trước lược sau còn. Ban đầu phế bỏ quả lập lý, xưa dùng bốn câu đồng là Quả nhất, tuy dùng quả làm lý danh không biệt rõ nên cần phải phá mà biệt lập lý. Cho nên, y đạo lý, không có lý thì thuộc ma. Đã trong mỗi câu đều nói “Tri kiến”, cho nên sở tri kiến lẽ nào chẳng phải Lý nhất. Tiếp, “phế bỏ nhân lập hạnh”: Hạnh thì thủy chung, tức là nhân quả. Chỉ điểm Hạnh nhất tức thâm tóm hai nghĩa, tuy phế quả xứng mà chính ở Hạnh

cuối cùng chỉ thêm Lý nhất làm căn bản của Giáo v.v..., khiến lý danh thông thuận với nghĩa của bốn: Khai v.v... Tiếp, “Nhân nhất...”: còn hai nhất kia.

Tiếp, chánh giải thích: Trước nêu “Lai ý” nói “Lai theo lược”, đối “Thập...” mà nói cho nên gọi là “lược”, “Thập...” vẫn còn cho nên gọi là “thả (lại)”. “Trước, giải thích Lý nhất” tự làm bốn nghĩa, nay lại làm ba: 1. Liệt kê. 2. Chánh giải thích. 3. “Sở dĩ...”: là kết yếu quy tông.

Trong phần Chánh giải thích, đầu tiên căn cứ bốn vị: Tức các bậc đối tượng của Nhân trí, trong đó phân làm tám để xuất văn tướng.

1. Nêu như văn.

2. “Đế cảnh...”: là dùng sở y năng dụng để hiển rõ đối tượng liên quan đồng thuật “Lai ý”. Nhưng đây Tứ nhất căn cứ dưới tiêu văn đều có hai hướng: đều từ một bên, tả hữu xen lẫn nhiếp dùng biệt Tứ nhất. Cho nên, bốn tướng vọng còn đều đầy đủ bốn, hướng chỉ hai hướng ư! Vì sao? Nếu như sở tri làm lý, thì năng tri thuộc trí, năng thọ theo là Người (Nhân), năng thuyên là giáo, nay văn đầy đủ hai. Vả lại theo lý, cho nên nói Lý nhất. Nay hiển lý đây, lý không riêng hiển mà dùng trí môn quán tam, trải qua các địa vị liên quan cùng mới hiển lý. Chính là đem Nhân (người), Giáo, Hạnh ba thứ, trải qua địa vị dùng lý quán tâm là Người, bốn môn là Giáo, bốn trí là Hạnh. Ba thứ tướng do phá lậu-hoặc nhập vị, dần dần đến lý. Nếu vậy về sau ba tướng thành thì cũng có thể như vậy. Vì vậy nên nay đầu tiên nêu sở y. Đế không có thể tự hiển bày, trí là năng dụng, do thấy lý cho nên nói “mới có thể”.

3. “Nhi trí...”: là phân chọn năng dụng tiến hay không? Có hai trí, bốn nhãn hay không? Chủng trí Phật nhãn tiến. Tuy thể tướng tức mà hiển thù thắng cần phải phân.

4. “Kinh nói...”: Căn cứ vị dẫn văn giải thích nguyên do kia. Chúng sinh nghĩa kiêm Phật quả duy nhất tốt cùng, cực quả tri kiến khiến chúng sinh liền đắc cho nên khác các kinh trước.

5. “Tam giáo...”: căn cứ giáo phán xét ý, xưa nay các sư giải thích Phật tri kiến, căn cứ làm chúng sinh thì lý kia không hiển, tự chẳng phải nay thấy ủy xuất cảnh vi diệu, tâm chúng sinh và Phật đồng một thể không sai khác, xin biết là chúng sinh có tri kiến Phật, cho nên căn cứ giáo phán xét thì lý kia rõ ràng. Trong đó trước xuất người năng tri kiến. “Lại phân đắc...”: là nêu rõ chúng sinh “khai”, hạn cuộc nơi Sơ trụ thì mới gọi là “khai”.

6. “Cho nên ký...”: là kết ý, đều là chứng vị Tri kiến Phật.

7. “Như điềm lành...”: là nêu sở biểu, sau định tuệ dựa vào mưa

bốn thứ hoa, có thể tiêu biểu đồng quy trải qua bốn vị. Hoa đều tán Phật đến quả bất hư, lại tán đại chúng người thừa vị.

8. “Khai...”: chính giải thích, có hai: Đầu, chánh giải thích. Sau, “Nhưng Viên đạo...”: là dung thông.

Trong phần đầu “giải thích Khai” có hai: Một, lược đối. Hai, “Vì sao...”: là chánh giải thích. Trong đó lại có năm:

1. Nêu chương của vị, Thông hoặc là Kiến, Tư, Biệt hoặc là vô minh. “Thông Biệt hai hoặc” đồng tại nhất niệm, niệm thể tức thị (đúng), thị thể phi lý. Thị sự phi thị, thị phi nhất như đồng thể làm chương. Hai hoặc không thể phân cho nên nói “khó có thể liễu tri”.

2. “Sơ tâm...”: nêu vị dựa vào chương, trước Tùy hỷ sơ tâm Viên Tín, là danh tự vị, Viên thọ năm phẩm vị, Viên phục sáu căn vị, đem phạm tâm đây tức vì “phục đoạn” cho nên nói “năng”. Phục thông tín thọ Tín ắt tại đầu, không đồng người đời sơ tâm tức Phật.

3. “Nội gia...”: là nêu gia hạnh trừ chương, có pháp thí hợp, do hạnh đây nên đắc nhập Sơ trụ. Hợp nói “duyên tu”: tức chỉ trước Trụ. Hỏi: Nếu nhập Sơ trụ mới gọi là “khai”, thì phải biết kinh này phạm phu tuyệt phần, vì sao không chấp nhận người khác từ vị cao, vì sao luận vẫn nói là phạm phu ư?

Đáp: Trong bốn giải thích căn cứ trí căn cứ vị, chỉ Thánh mới khai. Căn cứ quán, căn cứ môn mới thông danh tự, hướng chỉ nói: “Vì khiến cho”. Khiến phạm nhập Thánh, lợi ích của kết duyên căn cứ đây có thể biết. Do đó bốn giải thích mới hiển bày ý này: không ngăn ngại địa vị cao, không bỏ phạm phu.

4. Dẫn chứng trừ vị, nói nhập lý nghĩa thông sâu cạn. từ đầu lập xưng cho nên lại nói Trụ.

5. “Trụ nơi...”: là kết sở biểu để lập danh.

Tiếp, trong giải thích “Thị” có ba: 1. Nêu phá chương thì thể hiển.

2. Nêu hiển thể đầy đủ đức. 3. Kết vị danh.

Căn cứ nghĩa cũng phải như nhập Thập trụ. 1. Văn lược. 2. Đã nhập vô công dụng đạo, dưới... cũng như vậy.

Tiếp, trong giải thích “Ngộ” có bốn: 1. Nêu chương trừ hạnh thành. 2. “Sự lý...”: nêu thể đức thu khắp. 3. Dẫn chứng. 4. Kết danh.

Tiếp, trong giải thích “Nhập” có năm: 1. Lược không có chương trừ căn cứ trên hợp có, chỉ hợp với văn trước, cho nên chỉ nói “thể”. 2.

“Tự tại...”: là tán tán thể đức. 3. “Tự tại lưu nhập...” là tán Hạnh mãn.

4. Dẫn chứng. 5. Kết vị.

Trong giải thích “Ngộ, Nhập” đều dẫn “Nhiếp Đại Thừa” tức

mượn Biệt thành Viên, cho nên trong giải thích Ngô nói “Lý Lượng bất nhị” trong giải thích “Nhập” nói “Lý Lượng tự tại”. Nên biết trong Biệt không có việc đây. Nếu vậy thì trước trong giải thích Trụ, dẫn kinh Nhân Vương nói: “Nhập lý gọi là Trụ”, căn cứ lệ nhờ Biệt, cũng có thể Thập trụ như lý, Thập hạnh như Lượng. Lượng tức Lý, cho nên gọi là Trụ. Lý tức Lượng, cho nên gọi là Hạnh. “Dung thông”: Vì nhờ biệt nên phải dung thông, trong đó chia làm bốn: 1. Chánh dung thông, tức không còn sâu cạn. 2. “Chỉ như lý...”: là nêu rõ nguyên do sâu cạn. 3. Trong dẫn chứng thì trước dẫn, sau giải thích. 4. Trong nêu Thí có khai có hợp. Trước trong “Khai” nói “sóc vọng” (rằm mồng một): “Sóc” là minh, nghĩa là ngày đầu tháng, “vọng” nghĩa là tương vọng tức viên mãn thời, nhật nguyệt tương vọng. Nguyệt (trắng) chẳng phải sóc vọng mà dựa vào sóc vọng thì trăng có tròn có khuyết, hợp văn có thể thấy. Nói “vân vân”: là nên dẫn Đại kinh Nguyệt Ái Dụ.

Tiếp trong “Căn cứ bốn trí”, đầu tiên biện sai khác, chỉ là trí Viên vị năng khế hợp. Nói “Bất như”: là không đồng, lược giản khác ở khắp. Trong Bát-nhã kia thông Tam giáo, cho nên gọi là “Thông”, nay không y đó, chỉ có nhất Viên đạo, cho nên nói “bất như”, chữ “như” cùng chung gọi. Tiếp chánh giải thích: Trước trong Căn cứ vị đã lược nêu hành tướng. Trong đây nêu lại lần nữa chỉ là trực tiếp thuật mà thôi! Có giải thích, có kết. Trong Thích có hai: 1. Chánh giải thích. 2. “Lại đạo tuệ...”: là lần nữa lại dùng ý của Nhiếp Đại Thừa luận để giải thích, có thể thấy. Đầu văn nói “tuệ nhân trí quả” đều thông tổng biệt, trên nhân quả đều thêm “chúng” cho nên được biệt danh, đều thêm “nhất thiết” cho nên thọ danh xưng “quả”. Đầu tiên nói “đạo”: Cho nên thọ danh xưng “nhân”, tuệ cùng trí nhất vãng lại rõ ràng. Nếu y theo các kinh thì chưa hẳn hoàn toàn như vậy, đầy đủ như Chỉ Quán quyển ba nói. Tiếp “Đây cũng...”: là tổng kết ý văn cũng là dung thông. Nói “kết ý”: Đã thuộc Viên trí, cho nên Lý Lượng tương tức, chẳng phải nhân quả tổng biệt mà nhân quả tổng biệt. Văn trước tuy có nói “Như lý v.v...” mà chẳng phải ý chánh văn. Nay giải thích bốn trí chánh nên dùng đó, chỉ cần dung thông thôi! Như số lượng cảnh Tục đế kia, Như đối với thật lý khế hợp kia; đều gọi là “Như”, tức đều xứng cảnh. Nhưng mỗi một vị đều đầy đủ Nhị trí, Bất nhị, song nhập. Vả lại nương bốn vị, bốn danh thì tiện. Không biệt mà biệt, trước sau lý đồng.

Tiếp, “Căn cứ môn”: Môn đã là giáo, lý nên trước liệt kê. Nay tại đây tức đều có ý kia. Nếu chuyên giải thích bốn thứ này, thì trước là Giáo, tiếp là Quán, sau mới Trí Vị. Trong đây giải thích lý, bốn đều

là năng thuyên. Ở trong bốn pháp, thân cận thì liệt kê trước đầy đủ như vẫn dưới nghịch thuận sinh khởi. Do thân cận trước, cho nên trước là Vị, Trí, tiếp là đến Giáo, Quán. Trong Vị, Trí thì Vị làm đối tượng liên quan, Trí làm năng chứng, thì đối tượng là gần, năng chứng là xa, cho nên trước là Vị, tiếp là Trí. Trong Giáo Quán, chẳng phải Giáo không là Quán, cho nên Giáo trước Quán sau. Trong đó, cũng trước là Chánh giải thích, tiếp là Dung thông. Đầu tiên nói “hoành”(theo chiều ngang): Sơ tâm giáo pháp sở bảm (thọ theo) đầy đủ bốn, do pháp tương vọng không còn ưu liệt, cho nên gọi là “ngang”. Nên biết Vị, Trí phần nhiều căn cứ “thụ”(theo chiều dọc). Căn cứ Quán mới thành phi dọc phi ngang, thông luận đều là căn cứ phi ngang dọc. Do luận ngang dọc nên Quán môn cũng có sâu cạn. Giáo tứ tương vọng tương tự cũng là sâu cạn. Trong đây, phần đầu là giải thích, phần tiếp “Năng thông...”: là dùng lý nhiếp giáo, nhiếp tức dung, cho nên trong mỗi môn đều thông Trí Vị. Từ cạn đến sâu, vì trải qua hữu v.v... đều thông nơi quán để đến trú, cho nên môn thành ngang. Tuy đối Khai v.v... chỉ nêu Hữu v.v..., nghĩa đồng khai v.v..., chẳng đối sâu cạn căn cứ Vị khai v.v... Lại trong mỗi một môn đều nói: “Nhất thiết”, Bản hiển xen nhau thông xen lẫn đầy đủ. Vẫn e rằng không hiểu rõ, cho nên dưới lại dùng lý tánh dung.

Tiếp, “Căn cứ Quán tâm giải thích”: Lại nói Đại lược để hiểu rõ Khai... Ủy luận quán pháp đầy đủ như Chỉ Quán. Quán vốn không chướng không cần dung thông, do đó ba giải thích ở trước đầu tiên không thuật lý, cho nên mỗi mỗi giải thích vẫn sau dung thông, đều là phụ lý, lý là chánh ý văn nghĩa. Quán thân cận dựa vào lý, cho nên đầu tiên luận lý tam đế. “Đó là...”: là kết quy, kết tam quán để quy về Khai... Tiếp, “Sở dĩ...”: là nghịch thuận sinh khởi: Đầu tiên, nêu sở do nơi năng. Tiếp, nêu năng hiển nơi sở. Tóm lại mà nói, tóm bốn giải thích để quy về lý hai. Đã biết bốn giải thích đều giải thích Khai v.v..., nên biết Khai v.v.. mỗi mỗi có bốn lớp, hướng chi bốn văn thân sơ, lẫn nhiếp năng sở ánh hiển, đây chính là Giáo, Hạnh, Nhân ba thứ nhờ Lý để biện rõ. Lý đã như vậy, ba thứ còn lại theo lệ như vậy. Cho nên biết nay giống như mượn luận văn mà thâm hợp ý chỉ của luận. “Xưa phương tiện giáo...”: Biệt Sơ địa trở đi dùng phân bốn nghĩa: tức là Sơ địa là “Khai”, từ Nhị đến Lục là “Thị”, từ Thất đến Bát là “Ngộ”, Thập là Nhập. Mà Đối địa tiên chẳng phải tri kiến Phật, cho nên biệt tri kiến không thể tức vì chúng sinh khai. Đã y theo nghĩa Biệt cũng có thể Thông dùng Tam hiển Thập địa thứ lớp đối với nó. Hoặc là căn cứ sơ xưa như trước các giải thích phán bốn hàng sa sau trong tám hàng sa, cho nên Biệt tri kiến,

Tín phải trải qua nhiều kiếp số có thể đạt đến. Thông giáo Kiến địa là Khai, Bạc địa là Thị, ly dục là Ngộ, đã làm xong là Nhập. Trong Tam tạng giáo, nếu căn cứ Nhị thừa thì chuẩn theo Thông giáo nói. Nếu căn cứ Bồ-tát, thì Sơ kỳ là Khai, kỳ thứ hai là Thị, thứ ba là Ngộ, trăm kiếp là Nhập. Nếu kiêm Thánh vị thì dùng trăm kiếp thứ ba làm Ngộ, tam thập tứ tâm đoạn kết làm Nhập. Hai giáo này từ đầu đến cuối không nêu rõ Phật tri kiến. Vì đương giáo không thể nói. Cho nên nói: Không có và không thể đem bốn bậc của Bà-sa, ba của Bát-nhã, thứ lớp của Anh Lạc để hiểu được Pháp Hoa Tri kiến Phật. Cho nên biết tri kiến với các tên Khai, Thị v.v..., tên có thể thông dụng mà một chữ “Phật” chỉ hạn cuộc ở kinh này. Nếu kia muốn dùng nghĩa Phật thông dụng, thì dùng đương giáo phát tâm đều cầu đương giáo Phật quả, cho nên khiến Khai... cũng được gọi là “Phật”, mà cần chọn bộ chọn giáo mà thôi.

Trong phần “Giải thích Nhân (người) nhất”, nói “Chỉ giáo hóa Bồ-tát” là căn cứ ý Phật mà nói. “Cùng tử tự nhận mình là khách” là chuẩn theo thứ lớp mà luận. Nay từ Khai mà nói, cho nên gọi là “Nhân nhất”. Giáo, Hạnh căn cứ đây có thể biết. Trong “Hạnh nhất”, ngài Quang Trạch coi đó là Giáo nhất, tức căn cứ nay phân biệt văn cùng Quang Trạch không đồng, chẳng lập danh. Quang Trạch lập danh thì phần nhiều đồng các Sư xưa. Vì Viên cho nên nhiều tức là một sự, sở tác gọi là nhiều, một là sở vi. Một chỉ là Viên, tức là nhiều của một nhà, nhiều không gì không là một. “Cũng có thể...”: là hai hướng giải thích. Căn cứ giáo chủ, thì dùng sáu chữ “chư hữu sở tác thường vi” để nêu rõ ý nói. Ý tại sở vi cho nên nói “một”, sự của một nhà cho nên nói “sự”. Văn lấy sở tác làm sự, cho nên nói “giáo hóa”. “Nếu căn cứ hạnh...”: lại căn cứ hạnh giải thích, chuẩn theo ý đầu tiên ở trước. Nếu căn cứ văn trước thì đã dùng Trí làm Hạnh, đến nay giải thích Hạnh thì lẽ ra chỉ đủ bốn trí. Nếu không vậy thì dùng Hạnh ấy làm, Giáo chỉ bốn môn đây cũng như vậy, người năng lãnh thọ lại tu quán trước. Hai nghĩa dưới theo đây, giải thích lý liệt kê đủ bởi do đây. “Nhưng bốn câu...”: nay mỗi mỗi hai hướng giải thích. Nếu luận nghĩa thì có hai hướng, lại y văn nay, xưa cũng không ngăn ngại. Căn cứ xu thế của kinh văn thì sở quy cần phải y giải thích này. Văn thế tuy vậy, nếu dùng thì nghĩa kiêm thì đều đầy đủ bốn nghĩa. Từ “Chỉ dùng một Phật thừa...”: là giải thích Giáo nhất, trong đó trước là Chánh nêu Giáo nhất. Tiếp, “Từ Biệt giáo...”: là nêu “sở vô” trong Giáo nhất. Trước là chánh giải thích. Tiếp là phá ba sư. Trong phá, ngài Quang Trạch cũng còn biết không có bốn cấp Bồ-tát, nhưng Quang Trạch chỉ xưa không nêu rõ, cho nên Huyền Văn có phá.

Đây nói thiên về Hạnh còn bao quát thông biệt, chỉ do Quang Trạch cũng còn không nói thông thừa là Quyền cho nên cần phải phá, hướng chi nay lại dùng Bồ-tát mà làm thứ ba. Sư thứ hai giống như Quang Trạch, cũng biết phước bỏ thiên Bồ-tát, chỉ liệt kê ba danh đối với ngài Quang Trạch, điên đảo sai khác đó thôi! “Nếu làm...”: là thông phá hai sư cũng chỉ thành phá Tam tạng Bồ-tát, chưa liên quan đến Thông, Biệt cho nên chưa hoàn toàn đúng. Sư thứ ba đồng với Gia Tường, Gia Tường còn vậy, cho nên đều không biết tam thừa cộng vị và Anh Lạc... thứ lớp hành, là phương tiện Bồ-tát. Nếu không vậy, vì sao Đại Anh Lạc quyển thứ chín nói: Tuệ phẩm trong ba đạo phẩm. Tuệ Nhân Bồ-tát hỏi Phật rằng: “Thế nào là tam thừa? Phật dạy: Bồ-tát thừa, lại có ba thứ: gọi là Bồ-tát Đại thừa, Bồ-tát Bích-chi-phật, Bồ-tát Thanh-văn. Bích-chi-phật cũng có ba: gọi là Bích-chi-phật Đại thừa, Bích-chi-phật Bích-chi-phật, Bích-chi-phật Thanh-văn. Thanh văn cũng có ba: Thanh-văn Đại thừa, Thanh-văn Bích-chi-phật, Thanh-văn Thanh-văn. Cho nên biết Bồ-tát có ba hạng, là Biệt Bồ-tát. Như trong Đại kinh giải thích biệt năm vị, cũng dựa vào Tam thừa mà phân biệt Bồ-tát vị. Bích-chi-phật có ba là Thông tam thừa. Thanh văn có ba là Tam tạng tam thừa. Lại quyển thứ tám nói: Tuệ Nhân Bồ-tát nói: Lại có định ý tên là Vô tận môn, siêu vượt Tam thừa thành Bồ-tát hiệu. Đã siêu vượt Tam thừa chính là siêu vượt ba thứ Tam thừa trước, không thể riêng nói siêu vượt thừa thứ ba. Kinh lại không nói siêu Nhị, Tam thừa, lẽ nào chẳng phải Viên giáo Bồ-tát thừa ư?

“Nếu vậy...”: là trong phá có bốn: 1. Phá Tam tạng Bồ-tát còn lại, còn tồn tại Tam tạng ắt tồn tại Thông Biệt. 2. “Nơi nào...”: là phá liệt danh. 3. “Nếu y...”: là ví phỏng hỏi. 4. “Nếu như...”: là kết vấn nạn. “Nay nói...”: là trong chánh giải thích không có các thừa khác... Đã nói không có các thừa khác lại nói hoặc hai hoặc ba. Nên biết ngoài ra không có các thừa khác lại không có hai, ba. Nói “các thừa khác”: Là chỉ Biệt giáo thừa trong Hoa Nghiêm. Đã biết ba vị thì có thể biết Lộc-uyển, tức đồng Tiểu thừa trong sở đối của Phương-đẳng. Cho nên trong văn nay chỉ so sánh xuất Lộc uyển. Cho nên nói hướng chi Tam tạng tam! Nếu không làm giải thích như đây thì làm sao có thể hiển bày sự vi diệu của kinh bộ này khác với các kinh khác? Các chỗ khác đã không dùng giáo bộ để giải thích kinh, cho nên biết giáo bộ diệu nghĩa khó hiển bày.

“Chương tam thế Phật đều nêu Giáo nhất, Hạnh nhất”: Trong văn đều nói “Pháp ấy đều là nhất Phật thừa”, nên là văn nói Giáo nhất.

“Các chúng sinh ấy...”: tức văn nói Hạnh nhất. “Sau tổng luận...”: cuối chương Tam Thế Phật tổng nói: Xá-lợi-phất! Chư Phật ấy chỉ giáo hóa Bồ-tát là Nhân nhất. “Muốn dùng...” là Lý nhất. Ở chương tam thế, sau gọi là tổng. Nếu đương chương..., thì chúng sinh tức Nhân nhất, “Chúng trí sở tri tức Lý nhất”, nhưng căn cứ chúng sinh chúng trí thì mới gọi là Hạnh nhất. Cho nên đây đều nêu rõ không đề cập đến dưới hợp. Lại trong chương chư Phật văn đã nói đầy đủ, vì tránh văn rườm rà, cho nên trong ba đời (tam thế) thì hai riêng biệt hai bao hàm. Kinh Anh Lạc quyển mười ba nói “chín đời”, e rằng lầm, tại văn nói mười một. Kinh kia Tịnh Cư Thiên tử hỏi Phật: Nay có quá khứ chư Phật và mười phương Phật, con cũng không nghi, vì sao có chư Phật vị lai! Phật dạy: Ông vì hỏi ba đời quá khứ hay là hỏi ba đời vị lai, ba đời hiện tại? Thiên tử thưa: Con không hỏi quá khứ hiện tại, chỉ hỏi vị lai. Phật dạy: Có hai nhân duyên có vị lai Phật. 1. Chư Phật quá khứ dùng tâm từ bi nhập vào đời vị lai. 2. Bồ-tát vị lai thành Phật. Nay văn y lời đức Phật kia đáp Thiên Tử, thấy đều là đời hiện tại và trước sau đối nhau tự có ba đời, cho nên Phật dùng ba thứ ba đời để hỏi Thiên Tử. Cho nên biết tức có nghĩa chín đời. Nếu Kinh Hoa Nghiêm lại thêm câu “ba đời thuyết bình đẳng” thì hợp làm mười câu.

Hỏi: Hoa Nghiêm vì sao lại nói bình đẳng?

Đáp: 1. Hoa Nghiêm pháp tướng đến mười, khiến số viên (tròn). 2. Muốn nêu ba đời thì khó nghĩ bàn, muốn khiến lý đầy đủ cho nên cần phải mười.

Lại nữa, Hoa Nghiêm nêu chẳng những chín đời cho đến dùng bình đẳng mà nói mười thứ ba đời, cho nên biết trên nói chín mỗi mỗi ba đời, do kia muốn nêu rõ chín, ba chỉ là chín đời, chín đời chỉ là ba đời, ba đời chỉ là một sát-na, sát-na sát-na đều tận quá khứ vị lai. Đây chính là ngắn dài thu nhiếp vào nhau, nay chưa luận việc đó. Lại căn cứ ba đời chín đời hướng về nhau để luận vì dẫn đồng. Cho nên, ba đời nếu đồng tức mười phương đồng, thì trần sát đều đồng. Người đọc chỉ nói “sát thuyết chúng sinh thuyết” mà không suy nghĩ: “Nếu sát và chúng sinh đều là năng thuyết, thì sở bị (đối tượng được gia bị) là ai?”. Bởi do không nghĩ “tánh của sát và chúng sinh”, nếu hiểu được ý này, thì kia đây xen nhau hiển rõ. “Hai thì chỉ trên, hai thì chỉ dưới”: Chương Ngũ Phật môn đều đủ sáu, trong chương tổng Phật chỉ có bốn, thiếu hai cái thứ năm thứ sáu, trong chương Thích-ca chỉ thiếu thứ nhất. Trung gian tam thế Phật chỉ đều có hai. Hai chỉ tổng Phật tức hai ý đầu, hai chỉ Thích-ca tức hai ý sau. Nhưng chương tam thế hiển thật đều nói “pháp

đó”, và chương Thích-ca hai chữ “như đây”, đều chỉ Quyền là Thật, cho nên gọi là “hiển thật”. Vì sao? Vì xưa thiết lập Quyền mà còn không có tên “Quyền” huống chi có thật. Cho nên nay khai Quyền, Quyền tức là Thật, nên nói “Pháp đó đều là Phật thừa”. Vì thế, biết rằng thuật lại thiết lập Quyền kia, ý tại Khai. Chương quá khứ Phật trong đó hiển thật. Nói “Kiêm đắc Nhân nhất” cũng nên kiêm Lý, dùng chữ “kiêm” ở trên xuyên suốt ở dưới. Do kiêm nên chẳng phải chánh, cho nên văn trên nói không cùng với tổng văn hiển bày. Vị lai hiện tại cũng như vậy. Chương hiện tại Phật từ đầu tức là khai Quyền hiển Thật.

Kinh: “Xá-lợi-phất! Các đức Phật đó...” tức đương tổng văn, cho nên trong giải thích ở trước nói: “Chương tam thế Phật đều nêu Giáo, Hạnh, sau tổng nêu Nhân, Lý”. Căn cứ đây, nên trước khai chương nói: Đầu biệt sau tổng. Sở dĩ không trước khai là dưới trong tổng văn đã không tổng khai Quyền chỉ có một văn hiển Thật, nên đối ba đời đều có Quyền Thật, tổng biệt bất tiện. Cho nên hợp trong chương Phật hiện tại cộng thành văn đầy đủ, cho nên nói: “văn đầy đủ”. Nếu vậy, thì sao không chỉ hợp biên soạn trong chương hiện tại Phật làm “văn tứ Nhất” mà dùng làm tổng ư? Do đầu kinh văn tự nói: “Xá-lợi-phất! Chư Phật đó...”, cho nên biết là tổng.

Kinh: “Biết rõ các chúng sinh... sức phương tiện mà vì đó nói pháp”, tức cảm ứng đối nhau. “Biết chúng sinh...” là cảm, “chúng chúng nhân duyên...” là ứng. Kinh nói “Chúng chúng dục (những điều ưa muốn)...”: Chỉ các chúng sinh quá khứ hiện tại vị lai căn, dục, tánh ba thứ là cảm Phật cơ. Trong kinh chỉ có dục tánh hai thứ, nếu có hai thứ đây ắt có căn cho nên thêm căn đối giải thích. “Thâm tâm sở trước” tức là căn, do chúng tử đời trước khó chuyển, tùy huân tập không bỏ, nên gọi là “sở trước”, tại phương tiện giáo cho nên tập gọi là “trước”. Vì sao? Vì căn lấy năng sinh làm nghĩa, do quá khứ huân tập chúng tử thành hiện dục, dục lấy chấp cảnh làm năng, do năng chấp nơi ngũ thừa giáo, cho nên tập dục thành tánh. Tánh đối với dục, thì tánh gọi là vị lai, vị lai đối với nay thì gọi là bản tánh. Trên đã nói đến thiết lập quyền, căn cứ lý trước nêu ẩn Thật là Quyền tức là sở khai. Vì đã nêu rõ khai, tức biết từng thiết lập đều là chân thật, chỉ sợ không hiểu ý thiết lập cho nên trước nêu rõ ý kia.

Tiếp, giải thích “Năm trước”, nên đầu văn nói “Chỉ là năm trước...”, “cho nên nói chỉ một Phật thừa...”, “còn không đời hai...”, là muốn nêu thiết lập Quyền thì trước dùng Thật để so sánh. Nay trong nhất Thật còn không có Bát-nhã “đời hai”, Phương-đẳng “đời ba”, huống chi

có Lộc uyển “riêng ba riêng năm”, dù thêm Nhân thiên vẫn thuộc Lộc-uyển. Có người nói: Riêng năm là Tam tạng, riêng ba là Thông giáo, đây không đúng lý, Thông không biệt bộ. Đã trong tại Bát-nhã Phương-đẳng nêu rõ. Có bản số nói: “Không hai”: là không có hai thứ: Biệt giáo và Biệt nhập Thông. “Không ba”: là không có ba thứ: Thông giáo và Biệt Viên nhập Thông. Văn sau tự có giải thích điều này, không cần để ở đây. Nay tạm y đây. Nếu không có văn dưới thì giải thích này không ngăn ngại. Biệt, Viên nhập Thông cũng trong tại Phương-đẳng Bát-nhã nêu rõ, chỉ duyên với kia mà có Thông Biệt, cho nên có văn nói tương nhập. Nhưng riêng luận thì cùng với tương nhập đều có chút sai khác, cho nên không y đây. “Như thị: là nêu Thể tướng”: Thể và tướng của Trước không thể nêu ra đầy đủ, chỉ lược nói “như thị”. Kinh tuy không nói đủ mà Số văn lược thuật, trong đó trước là nêu thể kia, cho nên nói: “Kiếp trước không có biệt thể...”, lại chỉ giải thích văn cùng làm thể tướng, là văn được dẫn ở dưới. Nói “xan tham...” tức Kiến, Tu hai trước, lại nói “bất thiện” thì chung cho Kiến và Tu, chỉ có “Mạng trước” thì kinh văn không giải thích. Đã có ba thứ: Chúng sinh, v.v.. thì Mạng ắt có. “Kiếp” là thời gian dài... đến tám mươi. Kiếp là thời. Các giải thích rất rộng ở đây chẳng cần, cho nên chỉ lược luận. Nói “thời ngắn”: Như trong Câu-xá lập ba cực ít (thiếu), nghĩa là sắc, danh, thời. Sắc cực thiếu tức là cực vi. Luận nói cực vi vi kim thủy thổ dê trâu kích trần, rận chí lúa mạch lông tay, sau tăng lên gấp bảy lần, hai mươi bốn lông tay bằng một khủy tay, bốn khủy tay làm một cung, năm trăm cung thì bằng một câu-lô-xá, tám Câu-lô-xá thì bằng một Du-thiện-na. Gọi là “cực thiếu”, tức là một chữ. Luận nói: Một chữ (nhất tự) là danh, là danh cực thiếu; hai chữ là danh, cũng gọi là danh thân; ba chữ trở lên là đa danh thân; bốn chữ là một câu, bốn câu là một kệ... Thời rất ngắn (cực thiếu) tức một sát-na. Luận nói: Một trăm hai mươi sát-na là một Đát-sát-na, sáu mươi Đát-sát-na là một Lạp-phạ, ba mươi Lạp-phạ là một Tu-du, ba mươi Tu-du là một ngày đêm, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm. “Chúng sinh trước đến giả danh”: kiến mạn là nhân, quả báo là quả. Do kiến mạn nên chiêu cảm quả sinh tử, lời kéo nhân thành quả. Cho nên nói “lời kéo kiến mạn...”. Trên Quả lại khởi hai trước Kiến Mạn, kiến mạn chỉ là lược nêu thể của hai đạo Kiến, Tu. Tiếp, “Giải thích tướng của năm trước”: Trước giải thích “tướng Kiếp trước”, nói “Bốn trước...”: Không, thành, hoại ba thứ mà không có Kiếp trước. Ở trong kiếp Trụ, căn cứ kinh Bi Hoa nói: tám vạn đến ba vạn năm cũng chưa có trước, đến hai vạn năm thì bắt đầu có năm

trước. Rộng nêu nghĩa kiếp, thì nông cạn dễ biết. Rút trong văn kinh luận không phiên chép đủ chỉ cần biết thế. Bốn trước tăng tụ, cho nên tiểu kiếp gọi là trước, đây là tổng nêu. Do bốn trước tụ, cho nên tiểu tam tai khởi. Tiếp, “Sân nhuế...”: nêu rõ nguyên do tiểu tai, do phiền não mạnh. Tiếp, “Tam tai khởi...”: là nêu do tiểu tam tai nên bốn trước tăng, “phiền não gấp bội” là nêu rõ do Kiếp trước nên phiền não hưng thịnh. Tiếp, “Các kiến...”: là do Phiền não, Kiếp, cho nên Kiến trước xí thạnh. Tiếp, “Thô xấu...”: là nêu do ba trước trước cho nên Chúng sinh trước, thô tệ sắc tâm ác ngũ ấm, lôi kéo ác ấm này thành chúng sinh ác. Chúng sinh là giả danh, cho nên nói “ác danh uest xứng”. Tiêu biểu tính chất, chỉ bày đức gọi là “danh”, ảnh hưởng sự tốt đẹp ngoại hình gọi là “xứng”. Nay lôi kéo thô ác làm chất ác ảnh hưởng bên ngoài, cho nên chỉ tiêu biểu “ác danh uest xứng”. Khiến năm tháng ngắn lại do bốn trước cho nên Mạng trước, tích tụ năm thành thọ, năm suy thì thọ giảm. Tuổi và thọ bức bách nhau, cho nên gọi là Mạng trước. “Các trước...”: là tổng kết. “Như nước...”: là nêu thí dụ. Do bốn (vội vã) cho nên hôn muội chỉ là trước, tức tổng thí dụ Kiếp trước. Vì Kiếp bị trước cho nên có bốn thứ còn lại cũng trước. Cho nên dùng “gió” để thí dụ bốn trước còn lại. “Sóng gió (Phong ba)...”: dùng dụ kiến mạn. “Ngư long (cá rồng)”: Dùng dụ chúng sinh. “Không thể nương cậy”: là chúng sinh bất an, chính là “tướng trước”. Do ba trước nên khiến mạng ngắn ngủi, như do phong cổ (trống gió) khiến nước vội mê, rồng cá không an vui. “Thời khiến như vậy”: lại dùng Kiếp trước để kết, “Như kiếp sơ...” lại xuất ra bốn trước tại thời Kiếp trước, cũng là do có trước. Tuy lại bốn trước đồng tại thời trước mà bốn cùng thời trước lại xen lẫn tướng trước. “Quang Âm...”: Lại nương hỏa hậu. Hỏa tai chỉ hoại. Sơ thiên cho nên ở thời sơ thành. “Trời này bắt đầu...”, tức là Trời bắt đầu của Nhị thiên nên bắt đầu xuống nhân gian, thân có ánh sáng, còn có thể bay đi. Không có nam, nữ căn, không có ăn nuốt như vậy cho đến rừng cây đất đai da thịt, đến gạo lúa... nam nữ căn sinh, đầy đủ như trong A-nê-lâu-đà nói, luận Câu-xá ở chương Kiếp nêu rõ. Địa tức là ác duyên, từ duyên mà nói, cho nên nói khiến như vậy. “Như Đao-lợi...”: Cũng là nêu theo lệ, lại hiển đất sinh dục ác. Đố-thích ngoại thành có bốn vườn uyển, nghĩa là các xe thô tạp hỷ, chư thiên muốn đấu tranh thì từ vườn thô ráp xuất hiện các dụng cụ chiến đấu, cần xe thì xuất hiện vườn xe. Nếu vườn hoan hỷ nhập vào trong thì sinh hỷ, Dục giới sinh dục cũng lại như vậy.

Tiếp, “Phiền não...”: Lại ở trong tổng dùng biện rõ bốn biệt: Trước

nêu phiền não, liệt kê đủ năm độn (ngũ độn sử) mỗi đều nêu một dụ có thể tư duy biết. “Hủy” (Rấn độc) nên dùng chữ bên dưới. Chữ “Nạo”: sách thuyết Văn nói “nạo” là quấy nhiễu. Tiếp, “Kiến trước...”: Là giải thích kiến trước, chỉ riêng nêu hai kiến, còn lại y mười sáu tri kiến như kinh Đại Phẩm nói: Hai kiến nhiếp trọn các kiến, huống chi mười sáu và sáu mươi hai! Không có người mà cho rằng có người, là Thân kiến. Có đạo mà cho rằng vô đạo, là Tà kiến. Lại, nên ngược lại câu này, nói: Vô đạo mà cho rằng hữu đạo là Giới thủ. Sở thông chẳng thù thắng, tức Kiến thủ. Thiên chấp hữu vô, tức Biên kiến. “Mười sáu tri kiến”: đầy đủ như trong sách Pháp Giới Thứ Đệ. Sáu mươi hai kiến có ba thứ không đồng. Nếu làm tam thế (ba đời) ngũ ấm thì đều chấp bốn câu, nghĩa là: Quá khứ như khứ..., Hiện tại thường vô thường..., Vị lai biên vô biên, và hai kiến Đoạn và thường làm sáu mươi hai kiến chỉ là hai kiến Hữu, Vô, thuộc Biên kiến Tà kiến sở nhiếp. Nếu sắc đại ngã tiểu... bốn thứ, thì dùng bốn trải qua năm ấm và ba đời thành sáu mươi và Hữu Vô hai thứ. Đây chỉ là Thân kiến Biên kiến sở nhiếp. Nếu Bản kiếp Bản kiến... sáu mươi hai, thì thuộc về đoạn, thường, biên, tà, giới thủ... Nếu làm ngũ ấm thì đều chấp ngã sở. Mỗi một ngã sở đều có ba: là Anh-lạc (chuỗi ngọc), đồng bộc (tôi tớ), quật trạch (hang nhà) trải qua bốn ấm thành mười hai và ngã mười ba, ngũ ấm hồ luận tức sáu mươi lăm. Đây chỉ tại ngã và do ngã sở. Như trong luận Bà-sa, Sử-kiền-độ nêu mười hai nhập mười tám giới, mỗi thứ có sáu mươi lăm, cho đến Vô sắc cũng như vậy; trong Vô sắc giới chỉ tùy nghĩa giảm sắc. Tổng các kiến đây khắp nhất thiết xứ và nhất thiết pháp, cho nên nói “la võng” và “trù lâm” (lưới giăng và rừng rậm).

Tiếp, trong “Chúng sinh trước” có hai: Giải thích và kết. Trong giải thích hai lớp pháp, thí. Hai lớp pháp nghĩa là: Trước, nêu giả danh. Tiếp, nêu lưu chuyển. Trong thí dụ có hai xứ đều thí dụ giả danh, bởi vì hai xứ pháp đều giả danh. Tiếp, trong “Mạng trước” có ba: Pháp, Thí, Hợp. Thứ lớp: Sinh khởi trước sau. Trong phần “Liệu giải”, đầu tiên hỏi: nay văn giả thiết kinh này do trước cho nên không được nói Đại, lại trước thiết lập Tiểu tức trước chỉ có chương Đại. Nếu chương Đại thì thời thuyết kinh Hoa Nghiêm, vì sao không chương? Nhưng trong năm trước thì Kiếp trước tự thuộc thời, không thể khiến Phật không sinh giảm kiếp. Nếu sinh giảm kiếp, thì Đại tiểu không chương, mạng tùy pháp báo cũng không thể trừ, Phật cũng thị hiện chúng sinh thọ mạng ngắn. Chỉ phiền não kiến gọi là “chưa trừ trước”. Như trong Hoa Nghiêm cho có phạm chúng nghe kinh Hoa Nghiêm. Vì vậy nên năm trước không

chương Đại. Đã không chương Đại thì tại sao không bắt đầu Tiệm liền nói Phật thừa, mà thiết lập Tiểu thừa ? Đáp: Bốn câu phân biệt: Dùng căn đối cội thì chương đều không chương, chỉ vì khinh trọng không đồng, dùng cội đối căn lợi độn để thành bốn câu. Một câu đầu dùng đáp Hoa Nghiêm, một câu sau đáp bắt đầu Tiệm không thuyết ý Đại thừa, hai câu giữa nêu cội sai biệt, tức đầu cuối đều không chương Đại, chỉ do lợi độn đầu cuối không đồng. Căn độn chương nặng, nên ban đầu thuyết Tiểu thừa. Nói trước nặng chương, cho nên căn cứ bốn câu đều không chương Đại, cho nên hỏi chương Đại là một phen nói đó thôi.

Hỏi: Ngũ trước chương Tiểu thừa không? Đã không chương Đại, là chương Tiểu phải không? Văn trước tuy nói Tiểu mà nặng trị trước, cho nên không chương Tiểu. Đối bốn câu trước đều không chương Đại. Vậy thì Đại Tiểu hết thảy đều không chương, tại sao năm trước được gọi là chương? Cho nên đối Tiểu, lại hỏi: Nếu chương Tiểu thì lẽ ra tất cả không nghe, nếu không chương thì phải tất cả đều nghe, vì sao sơ chuyển chỉ là năm người ư?

Đáp: Trong đó cũng khai bốn câu, đến câu thứ tư mới gọi là chương. Chỉ là đối căn, căn độn thành chương. Xưa chấp thẳng nói: “Năm trước đều chương Đại tiểu”, lý kia rất sai trái. Cho nên đầu tiên vì năm người và Thân-tử... thuộc câu đầu, nay nêu Ưng-quật-bàn-đặc làm hai câu, thì tất cả Thanh-văn trừ hai thứ này theo lệ, đều thuộc thượng căn.

Hỏi: Trước, câu thứ tư dùng Thân-tử làm nặng, vì sao trong đây dùng Thân-tử làm nhẹ?

Đáp: Đối với Đại cho nên nói là nặng, đối với Tiểu cho nên nói là nhẹ.

Hỏi: Tự có... bốn câu đầu trả lời hỏi Hoa Nghiêm. Nhân đáp nêu Thân-tử nghe kinh Pháp Hoa. Bốn câu sau chỉ có nghĩa Tiểu thừa đang nơi Lộc-uyển, vì muốn phân biệt nêu xuất các bộ Đại thừa. Vì vậy nên hỏi: Hai xứ không nhiếp, vì căn lợi độn, hay vì chương không chương?

Đáp: Trong đáp, nói: Đây căn cứ bốn giáo, do trong Phương-đẳng, Bát-nhã nghe Đại tiểu. Đã ở thời kia, người đó không thể đắc nhập, đợi đến hai tô; hướng về trước làm độn, chỉ do đợi thời gọi là “độn” mà thôi! Hướng về trước tuy độn, mà ở đây đắc nhập, tự phán xét là lợi độn. Ở trong bốn môn vì các môn sau trội hơn các môn trước. Cho nên, trong bốn môn thì dùng môn thứ tư dời đổi biên soạn lại phần trước là muốn đối bốn căn thù thắng ở đầu. Phải biết trong đây Đại tiểu cùng hai câu trong bốn câu trước, Đại tiểu không sai khác. Trong bốn câu trước, thì hai câu giữa phân biệt ở tịnh độ, nay đều ở cội đây. Nói “vân vân” là:

Mỗi mỗi căn ý đối mỗi mỗi môn nói nguyên do kia.

Hỏi: Trước vì sao nói căn độn nặng không nghe nơi Tiểu thừa, mà trong đây lại nói là nghe nơi hữu môn?

Đáp: Tại trước không nhập nay mới nhập, Đại tiểu căn tánh khi thuận thực thời không đồng, cho nên biết không hỏi có chướng hay không chướng, tức thấy đều đặc nhập. Chỉ vì chướng khinh trọng dùng đối căn lợi độn và thời không đồng đó thôi! Nếu đều không nghe Đại tiểu, thì không hỏi có chướng hay không chướng, tức cội đây không có căn cơ. Đời nay chưa thuận thực, không phải thuộc về bốn câu, bốn môn không nhiếp. Trong đây chánh dùng văn Đại luận quyển hai mươi bốn trong phần giải thích mười lực, đến lực thứ tư nói: “Thế Tôn dùng trí lực ấy khéo biết căn thượng trung hạ của chúng sinh”. Nếu năm căn Tín, Tấn... và bốn căn bị ngăn che v.v... thì luận chỉ căn cứ Tiểu thừa thì nay thông Đại thừa. Cho nên biết chướng cùng không chướng, quý tại có căn, có Thừa chủng. Chướng do phá giới, đầy đủ như bốn câu thừa giới phân biệt. Dùng đối năm thời bốn giáo ba phẩm, các môn phân biệt. Chú thích “vân vân”: là do đây. Nói “tìm chi tiết”: ý sợ bỏ sót vậy.

“Hỏi: Năm trước nhất vãng (một phen)...”: Căn cứ hai câu đầu và bốn câu lập lại, thì Đại Tiểu đều không bị chướng, nay từ Đại căn có chướng, đầu tiên không nghe Pháp Hoa làm vấn, tức câu thứ tư trong bốn câu đầu nói người, ba câu trước không chướng, chỉ chướng ở câu thứ tư, nói chẳng tận lý cho nên nói nhất vãng ý trong đáp là dùng đủ văn trước ý câu thứ tư là bắt đầu chướng nặng. Tiếp, “Nếu nghe...”: là căn độn, Phật còn chưa nói. Như thầy thuốc xưa nói các tên: Thường, Ngã v.v... thuận theo đó chấp nghĩa là tên Vô thường v.v..., năng trị đối với trước, cho nên chỉ chướng Đại mà không chướng Tiểu. Như một chủng căn cơ, năm trước chưa trừ không kham nghe Đại. Đến trong Lộc-uyển dùng Tiểu trị trước, sau mới nghe Đại. Sở dĩ thấy khổ nếu không trừ thì không kham nghe thường. Chấp ám làm đức, tức Tứ niệm xứ sở trị, nhanh quá cũng là si mê, cho nên trách thầy thuốc xưa chuyên dùng tà thường, vì không biết sữa (nhũ) là không biết dược (thuốc). Không biết bệnh... là do không phân biệt bệnh. Không biết “khai” là không biết phương pháp cho thuốc. Không hiểu ba thứ đây thì không có khách y thuật. Có hai thường không đồng, như sữa ngon dở, kiến hoặc khinh trọng gọi là căn nguyên. Trước đoạn sau dùng, cho nên gọi là khai giá. Nhị là ăn, ăn thời sai khác. Chỉ có chấp danh Thường, Lạc, cho nên nói “không biết tốt xấu”. Thuyết Ngã làm tăng thêm tà tập, nên nói “không biết căn nguyên”. Không hiểu rõ Thuyết thường thời sai khác, nên nói

“không hiểu khai, giá”. Do đó kinh nói: “Nếu Phật Thế Tôn trước nói thường, thì đồ chúng thọ hóa sẽ nói pháp này đồng pháp ngoại đạo kia”, cho nên nói: “Nếu chỉ tán thán...”. “Hai loại thuốc”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói.

